TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2019/HS-ST
Ngày 04- 12- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Bùi Thế Hanh.
Ông Trương Đức Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày tháng năm 1989 tại Thôn Quyết Thịnh, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Q, xã Đ, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình T- sinh năm 1960 và bà: Long Thị T (tên gọi khác: Nguyễn Thị T)- đã chết; có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc số 16/QĐ- TA ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sơ cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn T tại Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang với thời hạn là 24 tháng; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

- *Bị hại:* Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H; Trụ sở: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà P, số 20 Ng, phường Th, quận 2, Thành phố H - do ông Bùi Ngọc S, sinh năm 1981- Nhân viên an ninh Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H là người đại diện theo ủy quyền; Địa chỉ: Số 03, ngách 20/08, Ng, phường K,

quận T, thành phố H - Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện H, tỉnh B- Xin vắng mặt.

3. Cửa hàng điện máy xanh (Công ty thế giới di động); Địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh B - do anh Hoàng Tiến Q, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thị trấn C, huyện T, tỉnh B đại diện- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nhận được đơn trình báo của ông Bùi Ngọc S, sinh năm 1981 –là nhân viên an ninh của Công ty Tài chính TNHH một thành viên H có trụ sở : Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà p số 20 Ng, phường T, Quận 2, Tp H theo giấy ủy quyền ngày 25/6/2019 của Tổng giám đốc Công ty Tài chính TNHH một thành viên H về việc: Ngày 21/12/2014 Công ty H ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần thế giới di động ở các tỉnh thành khác nhau để cung cấp dịch vụ cho vay trả góp cho khách hàng mua hàng hóa tại các cửa hàng của Thế giới di động. Ngày 21/8/2017, Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở thôn Q, xã Đ, huyện H đã sử dụng ảnh của T để thay vào chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở xã L, huyện H để mua hàng trả góp 01 chiếc điện thoại di động Sam Sung Galaxy Note 5 N920 Gold với giá: 9.990.000đ tại Cửa hàng điện máy xanh (thuộc công ty Thế giới di động) thuộc khu 5, thị trấn T, huyện H và đã ký hợp đồng trả góp số 3726700529 với Công ty H với số tiền là: 7.205.000đ. Đến thời hạn T toán Công ty H đã không liên lạc được với T, sau đó qua xác minh xác định T là người đã chiếm đoạt số tiền: 7.205.000đ của Công ty H và đề nghị xử lý trước pháp luật đối với Nguyễn Văn T.

Theo như quy định của Công ty tài chính H thì khi khách hàng đến cửa hàng mà H đã ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh để mua sản phẩm nhưng không đủ tiền hoặc không muốn T toán tiền mua hàng một lần thì Hsẽ hỗ trợ khách hàng bằng cách ký Hợp đồng tín dụng với khách hàng để cho vay tiền nhằm mua sản phẩm. Khách hàng sẽ T toán tiền góp hàng tháng cho H qua các ngân hàng hoặc nhân viên thu hồi nợ của H và để được Hchấp thuận ký Hợp đồng tín dụng cho vay tiền thì khách hàng phải có chứng minh nhân dân; Hộ khẩu hoặc giấy phép lái xe bản chính để nhân viên Hkiểm tra, đối chiếu. Đồng thời việc khách hàng phải có mặt tại thời điểm thực hiện hợp đồng cho vay, trực tiếp cung cấp thông tin về nhân thân, trả lời thông tin thẩm định và trực tiếp ký tên trên hợp đồng vay là quy định bắt buộc. Ngoài ra, để ngăn ngừa những kẻ

gian lận đóng giả làm khách hàng ký hợp đồng, Công ty sẽ chụp hình khách hàng lưu vào hồ sơ .

Theo Nguyễn Văn T khai: Khoảng tháng 8 năm 2017, trên đường đi chơi T nhặt được 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 ở thôn K, xã L, huyện H. Ngày 21/8/2017, T tra mạng Internet xem các công ty cho vay tiền để hỏi mua điện thoại di động trả góp và được nhân viên của Công ty H hướng dẫn thủ tục, điều kiện để vay tiền mua điện thoại trả góp phải có chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mô tô nên T nảy sinh ý định dùng chiếc chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe nhặt được trước đó mang tên anh T rồi thay ảnh của T vào để tránh bị phát hiện địa chỉ thật với mục đích chiếm đoạt tiền của Công ty H. Khoảng 20 giờ ngày 21/8/2017, T đến cửa hàng Điện máy xanh (thuộc Công ty thế giới di động) ở khu 5, thị trấn T, huyện H đặt vấn đề mua một chiếc điện thoại di động Sam Sung Galaxy Note 5 với giá : 9.990.000đ, theo như thỏa thuận giữa Công ty thế giới di động thì T phải T toán trả cho cửa hàng điện máy xanh số tiền là : 2.990.000đ, số tiền thiếu còn lại do là mua trả góp nên Công ty H sẽ làm hợp đồng và cho T vay số tiền là: 7.205.000đ để trả cho cửa hang điện máy xanh, còn số tiền hang tháng T phải trả cho Công ty H là: 1.212.000đ. Sau khi nhân viên của công ty H làm xong thủ tục hợp đồng thì T ký tên Nguyễn Văn T và theo quy định nhân viên đã dùng máy tính chuyên dùng chụp lại hình ảnh của T rồi đưa vào hồ sơ tín dụng. Sau khi mua được điện thoại trả góp T về sử dụng một thời gian và đã bán lấy tiền ăn tiêu. Đến hẹn trả tiền cho Công ty H nhưng T không trả và bỏ sim điện thoại nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền vay.

Sau khi không liên lạc được với T, nhân viên H đã đến địa chỉ do T cung cấp, tại đây anh Nguyễn Văn T cung cấp, trước đó khoảng tháng 8/2017 anh bị kẻ gian trộm cắp chiếc xe mô và các giấy tờ chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe (do để giấy tờ trong cốp xe mô tô) từ trước đến nay anh T không ký hợp đồng tín dụng mua hàng trả góp nào với Công ty H. Qua kiểm tra trên hệ thống lưu trữ, Công ty H phát hiện hình ảnh người vay tiền ngày 21/8/2017 (của T) trùng với hình ảnh và hợp đồng tín dụng năm 2013 với người vay có tên là Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở Thôn Q, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

Hiện nay Nguyễn Văn T đang thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc số 16 ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa với thời hạn 02 năm tại Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang. Tại trung tâm cai nghiện Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngày 24/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã trưng cầu giám định 04 chữ ký xác nhận mang tên Nguyễn Văn T tại hợp đồng tín dụng trả góp số 3726700529 ngày 21/8/2017 với bản tự khai, mẫu chữ ký của Nguyễn Văn T có phải do cùng một người viết ra hay không?

Tại Kết luận giám định số 1526/KL-KTHS ngày 26/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: *"1.Chữ ký dưới mục bên vay" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký cùng một dạng của Nguyễn Văn T trên các tài liệu mẫu ký hiệu M4 do cùng một người ký ra ; 2. Chữ viết trên các tài liệu cần giám*

định ký hiệu A1, A2 (trừ các chữ viết dưới mục "xác nhận của nhân viên", "xác nhận của bên bán" trên tài liệu A1) so với chữ viết của Nguyễn Văn T trên các tài liệu mẫu mẫu ký M1, M2, M3, M4 là do cùng một người viết ra".

- Đối với chứng minh thư nhân dân và giấy phép lái xe mang tên anh Nguyễn Văn T, sau khi dùng để vay tiền trả góp Nguyễn Văn T đã vứt đi, đến nay T không nhớ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Đến nay Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hyêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền: 7.205.000đ (Bẩy triệu hai trăm linh năm nghìn đồng), T chưa bồi thường; cửa hàng điện máy xanh và anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu và đề nghị gì.

Từ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên của các bị cáo, tại bản cáo trạng số 82/CT-VKS-HH ngày 25/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hsố tiền là 7.205.000đ (Bẩy triệu hai trăm linh năm nghìn đồng) và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ về hình phạt tù cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá về hành vi phạm tội, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn T từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi th□ờng thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền là 77.205.000đ (Bẩy triệu hai trăm linh năm nghìn đồng).

Về án phí: □p dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và mức án do Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, cần được chấp nhận.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tổng số tiền chứng minh bị cáo chiếm đoạt là 7.205.000đ (Bảy triệu hai trăm linh năm nghìn đồng). Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[2].1. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu của tổ chức, gây mất trật tự trị an xã hội, tạo ra d□luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và góp phần ngăn đe phòng ngừa chung.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khai báo thành khẩn, ăn năm hối cải và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3]. *Xét về nhân thân:* Bị cáo xuất thân từ thành phần dân lao động, là đối tượng nghiện ma túy hiện đang phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Giang, mặc dù nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật hình sự nh□ng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy cũng cần chiếu cố giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi l□ợng hình.

Từ những phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân và hành vi của bị cáo gây ra: HĐXX thấy cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền: 7.205.000đ (Bảy triệu hai trăm linh năm nghìn đồng) mà bị cáo đã chiếm đoạt đến nay bị cáo chưa bồi thường, xét là có căn cứ cần buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền: 7.205.000đ (Bảy triệu hai trăm linh năm nghìn đồng).

[5]. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Văn T 10 (Mười) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi th□ờng thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền là 7.205.000đ (Bẩy triệu hai trăm linh năm nghìn đồng).

Về án phí: □p dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 360.300đ (Ba trăm sáu mươi nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng□ời đ□ợc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết đ□ợc quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đ□ợc quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ□ợc tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Giang.*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang.*
- *VKSND huyện Hiệp Hòa;*
- *Công an Hiệp Hòa.*
- *Chi cục THADS h.Hiệp Hòa;*
- *L- u hồ sơ vụ án.*
- *Bị cáo.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Toàn.